TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 11** TỈNH AN GIANG	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 106/2025/DS-ST
Ngày: 09-9-2025
V/v tranh chấp "Hợp đồng mua bán tài sản"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 11, TỈNH AN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Ngô Thị Lắm.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Trương Phước Công;

2. Ông Võ Thanh Nhàn.

- Thư ký phiên tòa: Ông Huỳnh Trọng Khiêm - Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 11, tỉnh An Giang

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 11, tỉnh An Giang tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Kiều Tiên – Kiểm sát viên.

Ngày 09 tháng 9 năm 2025 tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 11, tỉnh An Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 06/2025/TLST-DS ngày 24 tháng 7 năm 2025 về tranh chấp "Hợp đồng mua bán tài sản" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 269/2025/QĐXXST-DS ngày 20 tháng 8 năm 2025 của Tòa án nhân dân khu vực 11, tỉnh An Giang giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Hà Thị M, sinh năm 1982; địa chỉ: ấp T, xã T, tỉnh An Giang.

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn: Bà Trần Thị Kim T, sinh năm 1990; địa chỉ: ấp T, xã C, tỉnh An Giang; là người đại diện theo ủy quyền, văn bản ủy quyền ngày 07/8/2025; vắng mặt.

Bị đơn: Công ty Cổ phần T1; địa chỉ: số I, khóm L, xã C, tỉnh An Giang.

Người đại diện hợp pháp của bị đơn: Ông Đặng Long P, chức vụ: Chủ tịch Hội đồng quản trị; địa chỉ: số I, ấp L, xã C, tỉnh An Giang; là người đại diện theo pháp luật; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn bà Hà Thị M do bà Trần Thị Kim T làm đại diện theo ủy quyền trình bày:

Do có mối quan hệ quen biết nên từ tháng 01/2025 đến ngày 10/02/2025, bà M có bán sắt phế liệu cho Công ty Cổ phần T1 (gọi tắt là Công ty) nhiều lần với tổng số tiền còn nợ 164.818.150 đồng. Ngày 15/5/2025, Công ty có trả cho ông H số tiền 10.000.000 đồng, còn lại số tiền 154.818.150 đồng chưa thanh toán. Từ khi nộp đơn khởi kiện đến nay, Công ty có trả cho nguyên đơn số tiền 14.818.150 đồng nên còn nợ lại số tiền 140.000.000 đồng.

Do Công ty đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán làm ảnh hưởng đến quyền lợi của bà M nên bà M khởi kiện yêu cầu Công ty cổ phần T1 có nghĩa vụ trả cho bà M số tiền bán sắt phế liệu 140.000.000 đồng, yêu cầu tính lãi theo mức lãi suất 10%/năm kể từ ngày 01/7/2025 đến khi Tòa án xét xử. Rút lại yêu cầu khởi kiện đối với số tiền 14.818.150 đồng. Đối với việc bị đơn xin trả dần mỗi tháng 6.000.000 đồng và đợi công ty hoạt động ổn định sẽ trả dứt nhưng nguyên đơn không đồng ý.

Tại đơn trình bày ngày 11/8/2025, Công ty Cổ phần T1 do ông Đặng Long P làm đại diện theo pháp luật cho rằng:

Trong quá trình hoạt động kinh doanh, Công ty Cổ phần T1 còn nợ bà Hà Thị M số tiền mua phế liệu 154.818.150 đồng là đúng. Công ty đã thanh toán cho bà M được 02 lần với số tiền là 14.818.150 đồng nên còn nợ lại bà M 140.000.000 đồng. Do Công ty đang gặp khó khăn trong sản xuất, kinh doanh và chỉ mới hoạt động lại nên đề nghị được trả dần mỗi tháng 6.000.000 đồng, khi Công ty đi vào hoạt động ổn định sẽ trả dứt điểm số nợ trên.

Tại phiên tòa,

Nguyên đơn do bà Trần Thị Kim T là đại diện, bị đơn do ông Đặng Long P làm đại diện theo pháp luật có đơn xin xét xử vắng mặt, không cung cấp thêm tài liệu, chứng cứ nào khác.

Đại diện Viện kiểm sát phát biểu quan điểm:

Việc tuân theo pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án dân sự ở giai đoạn sơ thẩm: Người tiến hành tố tụng và người tham gia tố tụng đã làm đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Về nội dung vụ án: Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Hà Thị M. Buộc Công ty Cổ phần T1 có nghĩa vụ trả cho bà Hà Thị M số tiền 140.000.000 đồng và lãi suất 10%/năm kể từ ngày 01/7/2025 đến khi Tòa án xét xử sơ thẩm. Đình chỉ yêu cầu khởi kiện của bà Hà Thị M đối với Công ty Cổ phần T1 có nghĩa vụ trả cho bà M số tiền 14.818.150 đồng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng:

[1.1] Về thẩm quyền: Bà Hà Thị M khởi kiện yêu cầu Công ty Cổ phần T1 trả nợ số tiền mua bán sắt phế liệu; bà M không có đăng ký kinh doanh nên là tranh chấp về dân sự. Đồng thời, Công ty Cổ phần T1 có nơi cư trú tại xã C, tỉnh An Giang nên Tòa án nhân dân khu vực 11, tỉnh An Giang thụ lý giải quyết

là đúng theo quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[1.2] Về sự vắng mặt của các đương sự: Bà Trần Thị Kim T, ông Đặng Long P có đơn xin xét xử vắng mặt nên Hội đồng xét xử vắng mặt các đương sự là phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung vụ án:

[2.1] Xét yêu cầu của bà Hà Thị M về việc buộc Công ty Cổ phần T1 có nghĩa vụ trả số tiền mua sắt phế liệu chưa thanh toán là 140.000.000 đồng, yêu cầu tính lãi theo lãi suất 10%/năm kể từ ngày 01/7/2025 đến khi Tòa án xét xử sơ thẩm. Rút lại yêu cầu khởi kiện đối với số tiền 14.818.150 đồng. Hội đồng xét xử xét thấy:

Bà Hà Thị M cho rằng, do có mối quan hệ quen biết nên từ tháng 01/2025 đến ngày 10/02/2025, bà M có bán sắt phế liệu cho Công ty Cổ phần T1 (gọi tắt là Công ty) nhiều lần với tổng số tiền 164.818.150 đồng. Ngày 15/5/2025, Công ty có trả cho bà M số tiền 10.000.000 đồng, còn lại số tiền 154.818.150 đồng chưa thanh toán. Từ khi nộp đơn khởi kiện đến nay, Công ty có trả cho nguyên đơn số tiền 14.818.150 đồng nên còn nợ lại số tiền 140.000.000 đồng. Bị đơn Công ty cổ phần T1 thừa nhận còn nợ số tiền mua sắt phế liệu của bà M là 140.000.000 đồng.

Từ những lời trình bày trên, có cơ sở xác định giữa bà Hà Thị M với Công ty Cổ phần T1 có xác lập hợp đồng mua bán sắt phế liệu với nhau, tiền mua hàng chưa thanh toán 140.000.000 đồng.

Xét thấy, việc các bên xác lập hợp đồng mua bán trên cơ sở tự nguyện, mặc dù không thể hiện bằng văn bản nhưng được các bên đối chiếu qua tin nhắn Zalo. Mặc khác, bị đơn cũng thừa nhận đang gặp khó khăn trong sảm xuất, kinh doanh nên chưa thanh toán cho nguyên đơn số tiền trên. Việc bị đơn không thanh toán nghĩa vụ trả nợ theo thỏa thuận nên đã vi phạm nghĩa vụ trả tiền của bên mua theo quy định tại khoản 1 Điều 440 Bộ luật Dân sự. Việc bị đơn yêu cầu trả mỗi tháng 6.000.000 đồng đến khi dứt nợ nhưng không được nguyên đơn đồng ý. Do đó, việc bà Hà Thị M yêu cầu Công ty Cổ phần T1 có nghĩa vụ trả tiền mua hàng với tổng số tiền 140.000.000 đồng là phù hợp với quy định tại Điều 440 Bộ luật Dân sự năm 2015 nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[2.2] Nguyên đơn có yêu cầu rút lại yêu cầu khởi kiện đối với số tiền 14.818.150 đồng. Xét thấy, nguyên đơn và bị đơn đều xác định đã thanh toán cho nguyên đơn số tiền 14.818.150 đồng, còn nợ lại nguyên đơn số tiền 140.000.000 đồng. Việc nguyên đơn rút lại yêu cầu khởi kiện đối với số tiền 14.818.150 đồng là hoàn toàn tự nguyện, không trái đạo đức xã hội nên Hội đồng xét xử đình chỉ yêu cầu này là phù hợp với Điều 244 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2.3] Về yêu cầu tính lãi suất: Do bị đơn chậm thực hiện nghĩa vụ thanh toán số tiền nợ cho nguyên đơn làm ảnh hưởng quyền, lợi ích hợp pháp của

nguyên đơn nên việc nguyên đơn yêu cầu tính lãi suất 10%/năm đối vứi số tiền 140.000.000 đồng từ ngày 01/7/2025 đến khi Tòa án xét xử sơ thẩm là có cơ sở chấp nhận theo quy định tại Điều 357 Bộ luật Dân sự. Số tiền lãi được tính như sau: 140.000.000 đồng x 70 ngày x 10%/năm = 2.722.000 đồng.

Như vậy, tổng số tiền mà Công ty Cổ phần T1 có nghĩa vụ trả cho nguyên đơn là 142.722.000 đồng.

[3] Về án phí:

Công ty Cổ phần T1 phải chịu số tiền 7.136.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm. H1 lại số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm mà nguyên đơn đã nộp là 3.870.000 đồng.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 26, 35, 39, 147, 228, 244, 273 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 280, 357, 430 và 440 Bộ luật Dân sự 2015; Khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của bà Hà Thị M.

Buộc Công ty Cổ phần T1 có nghĩa vụ trả cho bà Hà Thị M số tiền 142.722.000 (một trăm bốn mươi hai triệu, bảy trăm hai mươi hai) đồng. Trong đó, nợ vốn 140.000.000 (một trăm bốn mươi triệu) đồng và nợ lãi 2.722.000 (hai triệu, bảy trăm hai mươi hai nghìn) đồng.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

2. Đình chỉ yêu cầu khởi kiện của bà Hà Thị M đối với Công ty Cổ phần T1 có nghĩa vụ trả cho bà Hà Thị M số tiền 14.818.150 (mười bốn triệu, tám trăm mười tám nghìn, một trăm năm mươi) đồng.

3. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Công ty Cổ phần T1 phải chịu số tiền 7.136.000 (bảy triệu, một trăm ba mươi sáu nghìn) đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Bà Hà Thị M không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm, hoàn lại cho bà M số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 3.870.000 (ba triệu, tám trăm bảy mươi nghìn) đồng theo biên lai thu số 0016549 ngày 23/7/2025 do Phòng Thi hành án dân sự khu vực 11, An Giang cấp cho bà Hà Thị M.

4. Về quyền kháng cáo:

Đương sự có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo Bản án trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo Bản án trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được Bản án hoặc Bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh An Giang;
- VKSND tỉnh An Giang;
- VKSND khu vực 11;
- Phòng THADS khu vực 11;
- Đương sự;
- Văn phòng;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Ngô Thị Lắm